

Số: 1981 /QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 11 tháng 9 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế phối hợp quản lý hoạt động  
khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn;

Căn cứ Công văn số 163/TCKTTV-QLDB ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Tổng cục Khí tượng thủy văn về việc hướng dẫn xây dựng Quy chế phối hợp quản lý hoạt động khí tượng thủy văn trên địa bàn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 413/TTr-STNMT ngày 01 tháng 8 năm 2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Danh*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 của Quyết định;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- LĐVP, P.KTCN;
- Lưu: VT, dtpha.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Vũ Hồng**

## **QUY CHẾ**

### **Phối hợp quản lý hoạt động khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1981/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2018  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định trách nhiệm, nội dung công tác phối hợp quản lý hoạt động khí tượng thủy văn (KTTV) và các vấn đề có liên quan đến KTTV trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Những nội dung về hoạt động KTTV nếu không có trong Quy chế này được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy chế áp dụng đối với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Đài Khí tượng thủy văn tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, Các sở, ban ngành, các tổ chức đoàn thể, cá nhân khác có liên quan trong hoạt động KTTV trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

#### **Điều 3. Mục tiêu phối hợp**

1. Thiết lập cơ chế phối hợp đồng bộ, quy định trách nhiệm phối hợp giữa các sở, ban, ngành, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quản lý KTTV trên địa bàn tỉnh đảm bảo tính chặt chẽ và tuân thủ quy định pháp luật.

2. Nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực KTTV.

3. Hỗ trợ về chuyên môn, nghiệp vụ, cung cấp và trao đổi về thông tin, dữ liệu KTTV nhằm từng bước hoàn thiện hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

4. Huy động được sự tham gia của tổ chức, cá nhân có liên quan trong các hoạt động về KTTV trên địa bàn tỉnh.

#### **Điều 4. Nguyên tắc phối hợp**

1. Bảo đảm sự quản lý thống nhất, liên ngành, liên vùng; tính đồng bộ, hiệu quả, có phân công trách nhiệm của từng cơ quan, địa phương trong việc chủ trì, phối hợp thực hiện quản lý nhà nước về KTTV.



2. Việc phối hợp thực hiện phải trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao của các cơ quan, đơn vị bảo đảm triển khai đầy đủ, chặt chẽ quy định, tuân thủ các quy định của Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Việc phối hợp, trao đổi thông tin trong lĩnh vực KTTV phải thực hiện thường xuyên, nhằm phục vụ tốt công tác quản lý nhà nước về KTTV theo quy định pháp luật.

4. Bảo đảm yêu cầu về chuyên môn, chất lượng và thời gian phối hợp.

5. Việc phối hợp không làm ảnh hưởng đến hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

### **Điều 5. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy chế này, (theo Điều 1 và Điều 3 của Luật Khí tượng thủy văn 2015) các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Hoạt động Khí tượng thủy văn*: Gồm quản lý, khai thác mạng lưới trạm; dự báo, cảnh báo; thông tin, dữ liệu; phục vụ, dịch vụ khí tượng thủy văn; giám sát biến đổi khí hậu; tác động vào thời tiết và quản lý nhà nước; quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khí tượng thủy văn.

2. *Khí tượng thủy văn*: Là cụm từ chỉ chung khí tượng, thủy văn và hải văn.

3. *Khí tượng*: Là trạng thái của khí quyển, quá trình diễn biến của các hiện tượng tự nhiên trong khí quyển.

4. *Thủy văn*: Là trạng thái, quá trình diễn biến và sự vận động của nước sông, suối, kênh, rạch, hồ.

5. *Hải văn*: Là trạng thái, quá trình diễn biến và sự vận động của nước biển.

6. *Quan trắc khí tượng thủy văn*: Là việc quan sát, đo đạc trực tiếp hoặc gián tiếp một cách có hệ thống các thông số biểu hiện trạng thái, hiện tượng, quá trình diễn biến của khí quyển, nước sông, suối, kênh, rạch, hồ và nước biển.

7. *Thời tiết*: Là trạng thái của khí quyển tại một thời điểm và khu vực cụ thể được xác định bằng các yếu tố và hiện tượng khí tượng.

8. *Dự báo khí tượng thủy văn*: Là đưa ra thông tin, dữ liệu về trạng thái, quá trình diễn biến và hiện tượng khí tượng thủy văn trong tương lai ở một khu vực, vị trí với khoảng thời gian xác định.

9. *Cảnh báo khí tượng thủy văn*: Là đưa ra thông tin, dữ liệu về nguy cơ xảy ra các hiện tượng khí tượng thủy văn nguy hiểm, bất thường có thể ảnh hưởng hoặc gây thiệt hại về người, tài sản và môi trường.

10. *Bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn*: Là sản phẩm của tổ chức, cá nhân hoạt động dự báo, cảnh báo, thể hiện thông tin, dữ liệu dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn dưới dạng văn bản, bảng số liệu, bản đồ, biểu đồ, biểu tượng, hình ảnh, âm thanh.

11. *Thiên tai khí tượng thủy văn*: Là hiện tượng khí tượng thủy văn bất thường có thể gây thiệt hại về người, tài sản, ảnh hưởng đến môi trường, điều kiện sống và các hoạt động kinh tế - xã hội.

12. *Biến đổi khí hậu*: Là sự thay đổi của khí hậu trong một khoảng thời gian dài do tác động của các điều kiện tự nhiên và hoạt động của con người, biểu hiện bởi sự nóng lên toàn cầu, mực nước biển dâng và gia tăng các hiện tượng khí tượng thủy văn cực đoan.

13. *Công trình khí tượng thủy văn*: Là cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu kỹ thuật chuyên ngành để lắp đặt phương tiện đo, thiết bị thông tin khí tượng thủy văn.

14. *Trạm khí tượng thủy văn*: Là nơi được lựa chọn theo các yêu cầu kỹ thuật chuyên môn để đặt một hoặc nhiều công trình khí tượng thủy văn, gồm các loại: trạm khí tượng bề mặt, trạm khí tượng trên cao, trạm ra đa thời tiết, trạm khí tượng nông nghiệp, trạm thủy văn, trạm hải văn, trạm đo mưa, trạm định vị sét và các loại trạm chuyên đề khác.

15. *Công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng*: Là công trình khí tượng thủy văn do các tổ chức, cá nhân hoặc tỉnh đầu tư xây dựng (bao gồm công trình khí tượng thủy văn của các đơn vị sự nghiệp công lập), khai thác phục vụ các mục đích, nhu cầu chuyên ngành hoặc địa phương không thuộc công trình khí tượng thủy văn quốc gia.

16. *Hành lang kỹ thuật công trình khí tượng thủy văn*: Là khoảng không, diện tích mặt đất, dưới đất, mặt nước, dưới nước cần thiết để bảo đảm công trình khí tượng thủy văn hoạt động đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, dữ liệu khí tượng thủy văn thu được phản ánh khách quan tính tự nhiên của khu vực, bảo đảm độ chính xác theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế.

17. *Tác động vào thời tiết*: Là tác động của con người lên các quá trình vật lý và hoá học của khí quyển thông qua các giải pháp khoa học và công nghệ nhằm ngăn ngừa hay giảm nhẹ thiên tai hoặc tạo ra một dạng thời tiết thuận lợi trong một khu vực cụ thể, trong khoảng thời gian xác định để phục vụ các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh quốc gia.

18. *Hiện tượng khí tượng thủy văn cực đoan*: Là hiện tượng khí tượng thủy văn bất thường về mức độ, thời gian xuất hiện, khu vực xảy ra, có thể gây thiệt hại về người, tài sản, ảnh hưởng đến môi trường, điều kiện sống và các hoạt động kinh tế - xã hội.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH VỀ NỘI DUNG, TRÁCH NHIỆM TRONG PHỐI HỢP**

#### **Điều 6. Nội dung phối hợp**

1. Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện pháp luật về KTTV trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức lập kế hoạch phát triển mạng lưới KTTV chuyên dùng của tỉnh khi có nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn theo mục đích riêng của địa phương.

3. Bảo vệ công trình KTTV trên địa bàn tỉnh.

4. Cấp, gia hạn, đình chỉ, thu hồi giấy phép hoạt động trạm KTTV chuyên dùng; dự báo, cảnh báo, KTTV theo thẩm quyền.

5. Khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về KTTV trên địa bàn tỉnh.

6. Xây dựng cơ sở dữ liệu về KTTV trên địa bàn tỉnh.

7. Phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về KTTV; tổng hợp, báo cáo tình hình hoạt động trên địa bàn tỉnh.

8. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức trong lĩnh vực KTTV cho cán bộ quản lý các cấp và cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh.

9. Nghiên cứu, đánh giá các điều kiện KTTV trên địa bàn tỉnh phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng; quan trắc, dự báo, cảnh báo KTTV phục vụ phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.

10. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống dữ liệu về KTTV trên địa bàn tỉnh bao gồm: Danh mục vị trí các trạm KTTV chuyên dùng; danh mục tài liệu KTTV hiện có; danh mục và số liệu các yếu tố KTTV quan trắc được trên địa bàn tỉnh.

11. Nâng cao chất lượng trong việc phát báo, dự báo, thu nhận các bản tin KTTV giữa Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Kiên Giang với các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh.

12. Phối hợp tổ chức nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến vào lĩnh vực KTTV: Điều tra cơ bản, đánh giá, nắm bắt tình hình diễn biến của khí hậu, thủy văn trên địa bàn tỉnh, tần suất bão, lũ lụt và các hiện tượng thiên nhiên nguy hiểm; đề xuất phương án phòng, chống, khắc phục tác hại do thiên tai gây ra.

## **Điều 7. Trách nhiệm phối hợp của các đơn vị**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành và các địa phương liên quan tham mưu, xây dựng trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện quy định của pháp luật về KTTV trên địa bàn; quy hoạch phát triển, chương trình kế hoạch dài hạn về KTTV phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh theo phân cấp của Chính phủ.

b) Tiếp nhận, thẩm định, hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, đình chỉ, thu hồi giấy phép hoạt động các trạm KTTV chuyên dùng; dự báo, cảnh báo KTTV thuộc thẩm quyền; tổ chức kiểm tra hoạt động dự báo, cảnh báo KTTV theo giấy phép được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cấp.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan thực hiện công tác thanh, kiểm tra việc thực thi pháp luật, xử lý các vi phạm pháp luật về KTTV theo quy định của pháp luật.

d) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, các tổ chức đoàn thể tuyên truyền phổ biến các thông tin kiến thức và văn bản quy phạm pháp luật về KTTV đến các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh.

đ) Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, và Ủy ban nhân dân các huyện thị xã thành phố hằng năm, rà soát, cập nhật, bổ sung danh mục công trình và chủ công trình phải tô chức quan trắc khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh theo quy định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập danh mục gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

e) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Đài Khí tượng thủy văn tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố báo cáo định kỳ và thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Tham gia xây dựng phương án phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, kiểm tra việc thực hiện các quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai trên địa bàn.

h) Tham gia thẩm định, thẩm tra nguồn gốc thông tin, dữ liệu KTTV, đánh giá việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

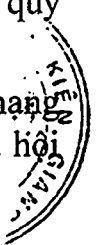
i) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Kế hoạch phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

## 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn khai thác, cung cấp thông tin, dữ liệu KTTV, tin dự báo, cảnh báo KTTV; áp dụng quy chuẩn kỹ thuật về xây dựng, quản lý, khai thác công trình phòng, chống thiên tai trong phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh; tuyên truyền phổ biến pháp luật về KTTV.

b) Quản lý, cung cấp dữ liệu đo đạc từ các công trình thủy lợi, nông lâm nghiệp, thủy sản có quan trắc, khai thác dữ liệu KTTV cho Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu KTTV của tỉnh.

c) Thường xuyên tiếp nhận các dự báo, cảnh báo về KTTV do Đài Khí tượng thủy văn tỉnh và Đài Khí tượng thủy văn khu vực cung cấp, xử lý thông tin theo chức năng để chỉ đạo kịp thời sản xuất nông, lâm nghiệp, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.



d) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Đài Khí tượng thủy văn tỉnh trong việc xây dựng kế hoạch phát triển mạng lưới KTTV chuyên dùng của tỉnh, đề xuất mạng lưới KTTV chuyên dùng của tỉnh.

đ) Phối hợp đánh giá việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV; thực hiện việc lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển, chương trình, dự án về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản và phát triển nông thôn.

e) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo định kỳ và thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh.

g) Tham gia ý kiến trong thẩm định hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, thu hồi giấy phép trạm KTTV chuyên dùng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường.

### 3. Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Kiên Giang:

a) Chủ động xác định hành lang kỹ thuật công trình KTTV thuộc quyền quản lý. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở ngành liên quan trong việc xây dựng, phê duyệt phương án cấm mốc giới và công khai mốc giới hành lang kỹ thuật công trình KTTV thuộc mạng lưới trạm KTTV quốc gia theo quy định của Luật Khí tượng thủy văn.

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch phát triển mạng lưới KTTV chuyên dùng của tỉnh.

c) Phối hợp cùng Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện công tác điều tra cơ bản, khảo sát khí tượng thủy văn, đo đạc diễn biến địa hình lòng sông, cửa sông, tài nguyên nước, chất lượng nước và chất lượng không khí trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường, quy phạm kỹ thuật chuyên ngành và quy định của pháp luật.

d) Cung cấp kịp thời, chính xác các thông tin, số liệu về KTTV trên địa bàn tỉnh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về KTTV, về phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai trên địa bàn tỉnh.

đ) Cảnh báo, thông báo kịp thời các hiện tượng khí hậu thời tiết thủy văn nguy hiểm (áp thấp nhiệt đới, bão, lốc, mưa lớn, lũ lụt, lũ quét, xâm nhập mặn...) cho các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan thông tin đại chúng theo chế độ quy định của Chính phủ; đồng thời thu nhận thông tin dữ liệu, phát báo bổ sung các tin về các hiện tượng thời tiết nguy hiểm theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

e) Tham gia ý kiến trong thẩm định hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, thu hồi giấy phép trạm KTTV chuyên dùng; cảnh báo dự báo KTTV thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ban, ngành có liên quan tổ chức thẩm tra nguồn gốc các số liệu về lĩnh vực KTTV gồm: Khí tượng nông nghiệp, các số liệu KTTV được sử dụng cho việc tính toán các đặc



trung thiết kế khi xây dựng công trình, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, lĩnh vực...theo quy định.

h) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị có liên quan ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới vào lĩnh vực dự báo, cảnh báo, điều tra cơ bản KTTV; nâng cao chất lượng trong việc phát báo, dự báo, cảnh báo, thu nhận các bản tin KTTV với các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh.

i) Phối hợp Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng phương án phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh.

k) Phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã phổ biến tuyên truyền đến các tổ chức và nhân dân về những chính sách pháp luật trong lĩnh vực KTTV. Thực hiện các hoạt động tư vấn, dịch vụ về KTTV cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu theo quy định của pháp luật.

l) Phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh, các Viện nghiên cứu trong nước nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến vào lĩnh vực KTTV, nắm bắt tình hình diễn biến của khí hậu, thủy văn trên địa bàn tỉnh, tham gia xây dựng, đề xuất phương án chủ động phòng, chống, giảm nhẹ tác hại do thiên tai gây ra, ứng dụng thiết bị công nghệ tiên tiến quan trắc phát hiện kịp thời hiện tượng thời tiết nguy hiểm như lốc xoáy, mưa đá, lũ quét, sạt lở đất... nâng cao chất lượng dự báo KTTV phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

#### 4. Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn:

Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh có trách nhiệm phối hợp các sở, ban, ngành, địa phương liên quan theo dõi, nắm bắt tình hình diễn biến của khí hậu, thủy văn, thiên tai trên địa bàn tỉnh; trên cơ sở đó, đề xuất phương án phòng, chống, khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra.

#### 5. Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang, Báo Kiên Giang:

Có trách nhiệm thực hiện các nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 7 của Luật Khí tượng thủy văn. Cụ thể như sau:

a) Tổ chức truyền, phát tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn do hệ thống dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn quốc gia ban hành và thông tin về biến đổi khí hậu phục vụ phòng, chống thiên tai, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Phối hợp với cơ quan, tổ chức về khí tượng thủy văn ở địa phương, các đơn vị có liên quan xây dựng chương trình phát thanh, truyền hình để tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng về khí tượng thủy văn và khai thác hiệu quả tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, thông tin về biến đổi khí hậu.

#### 6. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

Có trách nhiệm thực hiện các nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 53 của Luật Khí tượng thủy văn. Cụ thể như sau:



a) Theo dõi việc chấp hành pháp luật về khí tượng thủy văn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

b) Theo dõi, đánh giá, khai thác, sử dụng tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phòng, chống thiên tai trên địa bàn.

c) Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền về khí tượng thủy văn; tham gia giải quyết, xử lý vi phạm về khí tượng thủy văn theo thẩm quyền.

d) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp tình hình hoạt động khí tượng thủy văn, thiệt hại do thiên tai khí tượng thủy văn gây ra trên địa bàn.

đ) Tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo về khai thác, bảo vệ công trình khí tượng thủy văn trên địa bàn.

e) Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động khí tượng thủy văn theo phân cấp hoặc ủy quyền của cơ quan quản lý nhà nước cấp trên.

7. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn:

Có trách nhiệm thực hiện các nội dung quy định tại Khoản 3, Điều 53 của Luật Khí tượng thủy văn. Cụ thể như sau:

a) Tham gia bảo vệ công trình khí tượng thủy văn trên địa bàn.

b) Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền về khí tượng thủy văn; tham gia giải quyết, xử lý vi phạm về khí tượng thủy văn theo thẩm quyền.

c) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp tình hình hoạt động khí tượng thủy văn, thiệt hại do thiên tai khí tượng thủy văn gây ra trên địa bàn.

d) Tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo về khai thác, bảo vệ công trình khí tượng thủy văn trên địa bàn.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động khí tượng thủy văn theo phân cấp hoặc ủy quyền của cơ quan quản lý nhà nước cấp trên.

8. Các sở, ban ngành, các tổ chức đoàn thể, cá nhân khác có liên quan:

Các sở, ban, ngành, các tổ chức đoàn thể, tổ chức, cá nhân khác có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm phối hợp khi có chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền.

### **Chương III**

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 8. Trách nhiệm thi hành**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Đài Khí tượng thủy văn tỉnh, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, các sở, ban ngành,

các tổ chức đoàn thể, cá nhân khác có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý hoạt động khí tượng thủy văn theo Quy chế này và quy định hiện hành.

2. Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện công tác quản lý hoạt động khí tượng thủy văn theo Quy chế này.

### **Điều 9. Điều khoản thi hành**

Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp các sở, ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này cho phù hợp tình hình thực tiễn; trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. / *me*



**Phạm Vũ Hồng**